TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1416/2026/DS-ST
Ngày: 09-7-2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thảo.

2. Bà Phan Thị Tuyết Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1020/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1920/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2642/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H.

Trụ sở: 213 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 5 B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc H, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang C (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 1 C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 16/7/2025)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: A Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Quốc H1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: A Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quang C trình bày:

Ngày 20/07/2022, Q1 – Chi nhánh B đã ký hợp đồng liên kết số 008/2022/HĐLK-BC với Tổ hợp tác số 02 xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ CCM - Chi nhánh B. Bà Hà Thị Mỹ D – là người đại diện cho Tổ hợp tác số 02 xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ký Hợp đồng liên kết với Quỹ CCM – Chi nhánh B. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác số 02 xã A, huyện B để chăn nuôi, sản xuất - kinh doanh – dịch vụ, mua bán nhỏ, …theo sự giới thiệu và đề nghị của C1 liên nhiệm.

Thông qua Hợp đồng này Quỹ CCM – Chi nhánh B đã tiến hành trợ vốn cho 28 thành viên vào ngày 25/07/2023 (có danh sách ký nhận tiền đính kèm), phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn CCM: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của quỹ CCM – gọi tắt là phí CCM), phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ CCM - gọi tắt là phí CLN), tiền vốn góp đối ứng bắt buộc là: 1.0%/tháng (khoảng tiền này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ CCM không trả lãi tiền vốn góp đối ứng trên số dư tiết vốn góp này).

Trong đợt trợ vốn ngày 25/07/2023 bà Nguyễn Thị Kim T đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 60.000.000 đồng. Theo kế hoạch thì bà phải góp hàng tháng là: 6.200.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 4.760.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 25/07/2024. Thế nhưng bà Nguyễn Thị Kim T không góp đúng theo kế hoạch ban đầu. Đến ngày 01/07/2025, bà Nguyễn Thị Kim T vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ CCM. Tổng số tiền nợ sau khi đã trừ tiền vốn góp là 10.300.000 đồng, bao gồm nợ vốn: 9.322.000 đồng; Nợ lãi (phí) 978.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Kim T thanh toán nợ.

Nay Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T (có địa chỉ nêu trên) có trách nhiệm phải hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ CCM – Chi nhánh B, tổng cộng số tiền là 13.860.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo đợt trợ vốn ngày 25/07/2023, bao gồm nợ vốn: 11.656.000; Nợ lãi (phí) 2.204.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Kim T thanh toán xong nợ.

Nếu bà Nguyễn Thị Kim T không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Tạ Quốc H1, địa chỉ: A ấp B, A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Kim T khoản nợ nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quốc H1 đang cư trú tại A Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng luôn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T và ông H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T thanh toán tiền nợ vay theo đơn đề nghị trợ vốn, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú 168B/6 Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Quang C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; còn bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quốc H1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2022. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kim T, ông Tạ Quốc H1 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng bà T, ông H1 không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bà T và ông H1 đã tự tước bỏ quyền được chứng

minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2] Về hình thức hợp đồng: Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn có xác nhận của cấp liên nhiệm ngày 15/7/2023, Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 25/7/2023 và Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 25/7/2023 thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn có bản chất là hợp đồng vay tài sản có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 năm 2015. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) là tổ chức có tư cách pháp nhân có đại diện hợp pháp xét duyệt trợ vốn và bà Nguyễn Thị Kim T là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện đề nghị giao kết hợp đồng do đó hợp đồng này có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015 năm 2015.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H tổng số tiền là 13.860.000 đồng. Trong đó: nợ vốn: 11.656.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.204.000 đồng.

Nếu bà Nguyễn Thị Kim T không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Tạ Quốc H1 phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Kim T khoản nợ nêu trên.

[4.4] Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn có xác nhận của cấp liên nhiệm ngày 15/7/2023; Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 25/7/2023 thể hiện bà T có nhu cầu vay vốn là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay 12 tháng, phí trợ vốn: 0,65%/tháng, phí CLN: 0,15%/tháng, tiết kiệm: 1%/tháng.

[4.5] Căn cứ Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 25/7/2023, số thứ tự 14 có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim T, được cấp trợ vốn với số tiền 60.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kim T có vay tiền của Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H với số tiền gốc là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

[4.6] Căn cứ vào Phiếu báo báo nợ từ ngày 01/7/2023 – 12/6/2026 của Quỹ trợ vốn CCM thể hiện:

Sau khi nhận vốn từ Quỹ trợ vốn CCM thì bà T có thanh toán cho Q trợ vốn CCM nhưng thanh toán không đầy đủ tiền vốn và tiền lãi cho Q trợ vốn CCM.

Theo kế hoạch thì bà Nguyễn Thị Kim T phải góp hàng tháng là: góp hàng tháng là: 6.200.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 4.760.000 đồng và góp

đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 25/07/2024. Thế nhưng Bà Nguyễn Thị Kim T không góp đúng theo kế hoạch ban đầu.

Đến hết ngày 01/7/2025, bà Nguyễn Thị Kim T vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ trợ vốn CCM. Tổng số tiền nợ sau khi trừ tiền tiết kiệm và vốn góp thì bà T còn nợ quỹ trợ vốn CCM là tổng số tiền là 13.860.000 đồng. Trong đó: nợ vốn: 11.656.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.204.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T làm đơn đề nghị Quỹ trợ vốn CCM trợ vốn và đồng ý với các thỏa thuận, cam kết trong đơn đề nghị trợ vốn nhưng sau khi nhận vốn thì bà T không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ trợ vốn CCM là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H), buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) với tổng số tiền là tổng số tiền là 13.860.000 đồng. Trong đó: nợ vốn: 11.656.000 đồng; Nợ lãi (phí) 2.204.000 đồng.

[4.7] Về yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Quốc H1 phải trả nợ thay cho bà T trong trường hợp bà T không có khả năng trả nợ cho Q trợ vốn CCM.

Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn có xác nhận của cấp liên nhiệm ngày 15/7/2023 có nội dung như sau: *"Người có nghĩa vụ trả thay là ông Tạ Quốc H1, số CCCD: 082204000234, Địa chỉ: A Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Quan hệ với người xin trợ vốn: con"*. Trong đơn đề nghị trợ vốn có chữ ký xác nhận của ông Tạ Quốc H1 tại phần người có nghĩa vụ trả thay.

[4.8] Căn cứ vào các Điều 335, Điều 336, Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Tạ Quốc H1 sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bà T). Nếu bà Nguyễn Thị Kim T không có khả năng trả nợ thì ông Tạ Quốc H1 phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Kim T khoản nợ nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của Quỹ trợ vốn CCM.

[5] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể bà Nguyễn Thị Kim T chịu 693.000 (sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm trả cho Q hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) 13.860.000 (mười ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: nợ vốn: 11.656.000 (mười một triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; Nợ lãi (phí) 2.204.000 (hai triệu, hai trăm linh bốn nghìn) đồng.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Nếu bà Nguyễn Thị Kim T không có khả năng trả nợ thì ông Tạ Quốc H1 phải trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Kim T khoản nợ nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 693.000 (sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Q hỗ trợ phát triển hợp tác xã Thành phố H (tên cũ Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố H) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 346.500

(ba trăm, bốn mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012732 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – TP. HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.



Đặng Thị Vân Hương